

Bản án số: 80/2022/DS-ST  
Ngày: 19 - 9 - 2022.  
“V/v Tranh chấp đòi lại quyền  
sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Văn Thái.

Ông Võ Văn Thỏ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2017/TLST-DS, ngày 09 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST - DS ngày 11/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 175 /2022/QĐST-DS ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số 99, ấp Phương A, xã Hưng P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

2/ Bà **Lê Thị Bích T**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 314, khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

\* Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1992, địa chỉ: Số 314, khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Huỳnh Thị C** (chết)

***\* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Bà Huỳnh Thị C:***

1.1/ Ông **Nguyễn Văn R** (vắng mặt).

1.2/ Chị **Nguyễn Thị T** (vắng mặt).

1.3/ Anh **Nguyễn Văn T** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

1.4/ Chị **Nguyễn Thị C** (vắng mặt).

1.5/ Chị **Nguyễn Thị L** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

1.6/ Chị **Nguyễn Thị T** (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

1.7/ Chị **Nguyễn Thị L** (vắng mặt).

1.8/ Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Phương H, xã Phương P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Ông **Lê Văn T** (chết).

***\* Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T:***

2.1/ Ông **Lê Văn O** (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2.2/ Bà **Lê Thị T** (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2.3/ Ông **Lê Hoàng L** (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2.4/ Bà **Lê Thị N** (vắng mặt).

2.5/ Bà **Lê Thị M** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2.6/ Bà **Lê Thị T** (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phương B, xã Tân P, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2.7/ Bà **Lê Thị N** (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2.8/ Bà **Lê Thị Ln** (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

2.9/ Ông **Lê Hùng C** (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2.10/ Bà **Trần Thị T**. (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 286, khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Bà **Trần Thị T.** (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 286, khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1956 (có mặt)

5/ Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

6/ Bà **Huỳnh Thị T.** (vắng mặt).

7/ Ông **Nguyễn Thành C.** (vắng mặt).

8/ Anh **Nguyễn Tấn T.** (vắng mặt).

9/ Anh **Nguyễn Tuấn A.** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

10/ Ông **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số 333, khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

11/ Bà **Huỳnh Thị H.** (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 112, khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

12/ Ông **Huỳnh Chí L.** (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 110, khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

13/ Ông **Huỳnh Văn Q.** (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 148, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

14/ Chị **Nguyễn Thị Anh Đ**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

15/ Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1992 (có mặt)

16/ Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

17/ Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

\* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Anh Đ, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn S là anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1992, địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

18/ **Ngân hàng N.**

Địa chỉ trụ sở: Số 02 đường L, Thành C, Ba Đ, Hà Nội.

\* Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Địa chỉ liên hệ: Số 37, đường M, khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N trình bày:**

Phần đất tranh chấp thuộc thửa số 524, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc trước đây là của mẹ ông là bà Lê Thị H cho ông vào năm 1994. Khi mẹ ông cho không có làm giấy tờ nhưng các anh em ông đều đồng ý. Đến năm 2014 Nhà nước mức kinh Lâm T và đổ đất lên phần đất của ông thành bờ sáng. Đến năm 2015 thì ông T đem tràm lại trồng cặp mé kinh với diện tích gần 01m, dài 30m và lấn chiếm luôn phần đất theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 393,8m<sup>2</sup>. Ông có gửi đơn yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Bích T tự đốn cây, trả lại cho ông phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 393,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa 524, tờ bản đồ số 10 (đo đạc chính quy thửa 151, tờ bản đồ số 53), tọa lạc tại khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**\* Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:**

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của nội anh là ông Nguyễn Văn K chuyển nhượng lại của ông Giang Văn P vào năm 1968. Đến năm 1998, do già yếu nên ông nội anh mới để lại phần đất trên cho cha, mẹ anh là ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Bích T sử dụng. Từ khi chuyển nhượng phần đất lại của ông P thì gia đình anh sử dụng làm sân chuyển lúa. Sau đó, cha anh có thuê sáng mức để bồi đắp thêm làm sân để suốt lúa. Đến năm 2014 thì Nhà nước làm lộ gia đình anh đã dọn cây trồng để xáng mức làm lộ. Sau khi xáng mức đổ đất thì gia đình anh mới trồng các cây tràm để giữ đất không bị sạt lở hiện phần đất này gia đình anh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2015 thì ông Huỳnh Văn N đến đề yêu cầu gia đình anh trả lại phần đất này. Theo ông N cho rằng phần đất này là do ông Lê Văn T đứng tên quyền sử dụng đất là không đúng. Do tại bản án dân sự số 71/2012/DS-ST ngày 09/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Ngã Năm xác định việc cấp giấy cho ông T là không đúng pháp luật và không chính xác. Trong tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/10/1995 gia đình bà H đã chuyển nhượng hết mẫu đất và số lá dừa nước dọc theo kênh Lâm T và kênh Bà M. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Bích T tự đốn cây, trả lại phần đất có diện tích là 393,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa 524, tờ bản đồ số 10 (đo đạc chính quy thửa 151, tờ bản đồ số 53), tọa lạc tại khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thì anh không đồng ý.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn D, anh Nguyễn Văn N trình bày:**

Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N. Ngoài ra, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trình bày:**

Trước đây ông có chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn A một phần đất ruộng thuộc thửa 524, tờ bản đồ số 10, tọa lạc: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc

Trắng. Phần đất ruộng này có nguồn gốc là của gia đình ông Huỳnh Văn N chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn A. Khi chuyển nhượng phần đất này thì có bờ mầu làm ranh và từ trước đến nay ông chỉ sử dụng đất ruộng. Đối với phần đất tranh chấp thì ông không có sử dụng. Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

**- Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại phần đất thuộc thửa 524, tờ bản đồ số 10 (đo đạc chính quy thửa 151, tờ bản đồ số 53) nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*”. Đồng thời phần đất tranh chấp và bị đơn có địa chỉ tại khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên: Ông Nguyễn Văn R, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị L, ông Lê Văn O, bà Lê Thị T, ông Lê Hoàng L, bà Lê Thị N, bà Lê Thị M, bà Lê Thị T, bà Lê Thị N, bà Lê Thị L, ông Lê Hùng C, bà Trần Thị T, bà Lê Thị T, bà Huỳnh Thị T, ông Nguyễn Thành C, anh Nguyễn Tấn T, anh Nguyễn Tuấn A, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Chí L, ông Huỳnh Văn Q và đại diện Ngân hàng N. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng những người này vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

**- Về nội dung:**

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại phần đất có diện tích 393,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa 524, tờ bản đồ số 10 (đo đạc chính quy thửa 151, tờ bản đồ số 53), tọa lạc tại khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Theo nguyên đơn phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của mẹ nguyên đơn là bà Lê Thị H cho nguyên đơn. Phần đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn T đứng tên. Trước đây gia đình nguyên đơn có chuyển nhượng phần đất ruộng thuộc thửa 524 cho ông Nguyễn Văn A và sau đó ông A chuyển nhượng lại cho

ông Nguyễn Văn S. Gia đình nguyên đơn chỉ chuyển nhượng đất ruộng mà không có chuyển nhượng phần đất tranh chấp. Do phần đất tranh chấp gia đình nguyên đơn chưa sử dụng nên phía gia đình bị đơn vào chiếm sử dụng. Theo bị đơn thì phần đất tranh chấp có nguồn gốc chuyển nhượng lại của ông Giang Văn P vào năm 1968 và sử dụng ổn định cho đến nay.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả lại diện phần đất  $393,8m^2$ , thuộc thửa 524, tờ bản đồ số 10 (đo đạc chính quy thửa 151, tờ bản đồ số 53), tọa lạc tại khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, theo Công văn số 176/TNMT ngày 30/8/2022 của Phòng T thị xã N và Công văn số 186/TNMT ngày 06/9/2022 của Phòng T thị xã N thì trong tổng diện tích  $393,8m^2$  nguyên đơn yêu cầu có một phần diện tích  $259,5m^2$  “là phần đất bờ kênh do nhà nước quản lý”. Do đây là phần đất bờ kênh do Nhà nước quản lý nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 157 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013. Do đó, HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích còn lại là  $134,3m^2$ , thuộc thửa 524, tờ bản đồ số 10 (đo đạc chính quy thửa 151, tờ bản đồ số 53), tọa lạc tại khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Theo nguyên đơn thừa nhận phần đất này từ trước đến nay thì gia đình nguyên đơn không có sử dụng mà do gia đình ông Lê Văn T sử dụng vào việc trồng lá. Sau đó, phía gia đình bị đơn chiếm và trồng tràm, khi nguyên đơn phát hiện bị đơn trồng tràm nhưng không có ngăn cản. Theo bị đơn thì phần đất này do gia đình bị đơn sử dụng từ năm 1968 đến nay không có ai tranh chấp. Xét thấy, phần đất các đương sự tranh chấp theo Công văn số 176/TNMT ngày 30/8/2022 của phòng T thị xã N xác định thuộc một phần thửa 524 do ông Lê Văn T đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, thửa 524 theo bản án dân sự phúc thẩm số 55/2013/DS-PT ngày 03/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã xác định “trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là không đúng pháp luật”. Ngoài ra, theo “tờ chuyển nhượng đất, ngày 05/10/1995” thì phần đất còn lại của thửa 524 gia đình nguyên đơn đã chuyển nhượng toàn bộ cho gia đình ông Nguyễn Văn A “...gia đình tôi đồng ý chuyển nhượng hết mẫu đất khoản 6 công tằm cấy & số lá dừa nước dọc theo đường kinh Lâm T & kinh Bà M thuộc ấp T, xã L trị giá 20 chỉ vàng 24K...”. Hiện phần đất này phía gia đình ông Nguyễn Văn A đã chuyển nhượng lại toàn bộ cho ông Nguyễn Văn S. Tại phiên tòa ông S thừa nhận là khi nhận chuyển nhượng từ ông A thì ông chỉ sử dụng phần đất ruộng mà không có sử dụng phần đất tranh chấp, giữa 02 phần đất có bờ mầu làm ranh. Đồng thời, trước đây khi Tòa án giải quyết tranh chấp thửa 524 giữa ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn S với ông Lê Văn T thì các đương sự cũng không ai yêu cầu xem xét, giải quyết phần đất tranh chấp. Mặt khác, theo nguyên đơn từ khi chuyển nhượng thửa 524 cho ông A thì nguyên đơn không còn canh tác phần đất nào khác ở khu vực phần đất tranh chấp. Từ đó, có cơ sở HĐXX xác định phần đất tranh chấp nguyên đơn không sử dụng mà do gia đình bị đơn sử dụng. Phần đất tranh chấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 524 cho ông Lê Văn T cũng không đúng quy định. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại phần đất diện tích  $134,3m^2$ , thuộc thửa 524, tờ bản đồ số 10 (đo đạc chính quy thửa 151, tờ bản đồ

số 53), tọa lạc tại khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận. Đối với các cây trồng trên đất các bên thừa nhận đều do bị đơn trồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên đối với các cây trồng HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về chi phí thẩm định và định giá với tổng số tiền là 2.440.100 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch, nhưng do nguyên đơn thuộc người cao tuổi có đơn xin miễn nên được miễn án phí dân sự sơ theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 3 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N về việc buộc các bị đơn ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Bích T trả lại phần đất có diện tích là 134,3m<sup>2</sup>, thuộc thửa 524, tờ bản đồ số 10 (đo đạc chính quy thửa 151, tờ bản đồ số 53), tọa lạc tại khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có tứ cạnh như sau:

- + Hướng đông giáp đất ông Nguyễn Văn S có số đo: 3,2m + 8,80m + 2,34m.
- + Hướng tây giáp ông Nguyễn Trọng N có số đo: 1,32m
- + Hướng nam giáp ranh bờ kênh có số đo: 24,46m
- + Hướng bắc giáp thửa 138 có số đo: 30.95m

*(Có sơ đồ kèm theo)*

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Bích T trả lại phần đất bờ kênh (bờ kênh do Nhà nước quản lý) có diện tích 259,5m<sup>2</sup> tọa lạc: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có tứ cạnh như sau:

+ Hướng đông giáp phần đất bờ kênh do ông Nguyễn Văn S đang sử dụng có số đo: 10,86m.

+ Hướng tây giáp phần đất bờ kênh do ông Nguyễn Trọng N đang sử dụng có số đo: 11.28m

+ Hướng nam giáp kênh Lâm T có số đo: 22.60m

+ Hướng bắc giáp phần đất tranh chấp còn lại thửa 524 có số đo: 24.46m

**3/. Về chi phí thẩm định và định giá:** Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Văn N phải chịu với tổng số tiền là 2.440.100 đồng (*hai bốn trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm đồng*). Nguyên đơn đã thực hiện xong.

**4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:** Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N được miễn không phải chịu.

**5/ Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Phước Toàn**